BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4442/QĐ-HVN	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc: Ban hành Quy định về quản lý đầu tư xây dựng

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng;

Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXD ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát đầu tư;

Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/2/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn;

Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp;

Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT ngày 21/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng;

Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung hợp đồng thi công xây lắp;

Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư số 195/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết do cơ quan trung ương thẩm định;

Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/36/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án;

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung và thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

Thông tư số 31/2016/TT-BNNPTNT ngày 05/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy định về quản lý đầu tư xây dựng" áp dụng trong nội bộ Học viện. (chi tiết trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLCSVC&ĐT(8).

Nguyễn Thị Lan

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4441/QĐ-HVN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Căn cứ:

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng;

Thông tư số 39/2015/TT-BNNPTNT ngày 20/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về công tác lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXD ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát đầu tư;

Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/2/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn;

Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp;

Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT ngày 21/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng;

Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung hợp đồng thi công xây lắp;

Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Thông tư số 195/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết do cơ quan trung ương thẩm định;

Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/36/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án;

Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung và thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 18/2016/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

Thông tư số 31/2016/TT-BNNPTNT ngày 05/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

Giám đốc ban hành "Quy định về quản lý đầu tư xây dựng" áp dụng trong nội bộ Học viện.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, cá nhân tham gia trong hoạt động đầu tư xây dựng tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Quy định này áp dụng với các dự án đầu tư công (là dự án đầu tư sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công)

1.2. Đối tượng áp dụng

Chủ đầu tư, các ban quản lý dự án, các nhà thầu tư vấn, các nhà thầu thi công và các đối tượng liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2: Quy định chung

2.1. Hoạt động đầu tư công bao gồm: tổ chức, lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; tổ chức, lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; tổ chức, lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; tổ chức, theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

2.2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi chung là dự án) trong phạm vi Học viện là đầu tư công, được phân loại:

- Theo quy mô và tính chất dự án đầu tư được phân thành 3 nhóm:

+ Nhóm A: từ 800 tỷ đồng trở lên

+ Nhóm B: từ 45 đến dưới 800 tỷ đồng

+ Nhóm C: dưới 45 tỷ đồng

Quy mô trên có thể thay đổi theo từng giai đoạn căn cứ vào quy định của Chính phủ.

- Theo nguồn vốn đầu tư dự án được phân thành:

+ Dự án từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước cấp;

+ Dự án từ nguồn thu bổ sung ngân sách của Học viện;

+ Dự án từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

+ Dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn hoặc các nguồn vốn khác.

2.3. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp kể cả các dự án thành phần, nhà nước quản lý toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng từ khâu xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công và nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Các dự án sử

dụng vốn ODA thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng và quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA.

2.4. Các giai đoạn của dự án

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

+ Chủ đầu tư lập hoặc thuê lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (bao gồm sự cần thiết đầu tư, mục tiêu, phạm vi, quy mô, dự kiến tổng mức đầu tư, nguồn vốn, tiến độ thực hiện, khả năng duy trì sau khi dự án kết thúc, phân tích sơ bộ tác động của môi trường, hiệu quả kinh tế xã hội...)

+ Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Tổ chức lập dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt; đối với các dự án có cấu phần xây dựng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng (nội dung gồm thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế cơ sở, dự toán) và các nội dung khác do pháp luật quy định.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư:

+ Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán;

+ Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu;

+ Thi công xây lắp công trình.

Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện hoặc giao cho Ban QLDA thực hiện đầu tư theo đúng mục tiêu, phạm vi, quy mô, tiến độ, kế hoạch vốn đã được phê duyệt.

- Giai đoạn kết thúc đầu tư

+ Tổ chức nghiệm thu;

+ Bàn giao sử dụng;

+ Lập hồ sơ quyết toán;

+ Thực hiện bảo hành công trình.

2.5 Điều kiện bố trí vốn đầu tư

- Dự án đã có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án khẩn cấp nhằm khắc phục sự cố thiên tai và bất khả kháng.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Có điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Dự án khởi công mới chỉ được bố trí vốn sau khi đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định của Chính phủ.

2.6. Hoạt động xây dựng

Hoạt động xây dựng trong phạm vi Học viện bao gồm công tác lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

2.7. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình

Tổng mức đầu tư là chi phí tối đa mà Chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình, là cơ sở để Chủ đầu tư lập kế hoạch quản lý vốn khi thực hiện đầu tư xây dựng. Tổng mức đầu tư là chi phí dự tính của dự án được xác định trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thường được tính toán căn cứ vào thiết kế cơ sở của dự án bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; các chi phí khác và chi phí dự phòng. Tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh khi dự án bị ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng, do xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án hoặc do quy hoạch xây dựng thay đổi ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì Chủ đầu tư được tự quyết định. Phần tổng mức đầu tư điều chỉnh thay đổi so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải được tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra trước khi phê duyệt.

2.8. Dự toán và Tổng dự toán công trình xây dựng

Dự toán xây dựng công trình là chi phí dự tính của từng công trình hoặc từng hạng mục công trình thực hiện trong dự án được tính toán trên cơ sở thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công. Tổng dự toán công trình là tổng các chi phí dự tính để thực hiện của tất cả các công trình, các hạng mục công trình trong dự án. Tổng dự toán, Dự toán được xây dựng trong giai đoạn thực hiện dự án. Tổng dự toán, dự toán

công trình được Chủ đầu tư lập hoặc thuê tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện năng lực lập và trình cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thẩm định trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt. Trừ các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thì dự toán do người quyết định đầu tư phê duyệt cùng với báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình. Người quyết định đầu tư phê duyệt dự toán công trình sau khi đã thẩm định. Dự toán công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định dự toán gói thầu, giá xây dựng công trình và là căn cứ để lựa chọn nhà thầu, thanh, quyết toán công trình (Dự án).

2.9. Chủ đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư xây dựng công trình là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình. Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi Học viện có nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước do Bộ chủ quản và UBND Thành phố quyết định đầu tư, Học viện là Chủ đầu tư và được phê duyệt trước khi lập dự án. Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư là Giám đốc Học viện hoặc người được uỷ quyền theo quy định.

2.10. Tổ quản lý dự án, Ban quản lý dự án.

2.10.1. Giám đốc ra quyết định thành lập Ban hoặcTổ quản lý dự án (QLDA) theo nhiệm kỳ, theo giai đoạn cụ thể, cho từng dự án cụ thể; trong quá trình triển khai dự án có thể bổ sung các thành viên của ban hoặc tổ QLDA.

2.10.2 Ban,Tổ QLDA phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý từng dự án theo yêu cầu của Chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật theo nhiệm vụ được giao và quyền hạn được uỷ quyền. Ban,Tổ QLDA có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban,Tổ không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

2.10.3. Giám đốc Học viện có thể thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực để quản lý điều hành dự án, hoặc ủy thác quản lý dự án cho Ban QLDA chuyên ngành, khu vực. Trách nhiệm và quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thể hiện trong hợp đồng. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án hoặc ủy thác quản lý dự án, Học viện vẫn sử dụng Tổ quản lý dự án từ các đơn vị chuyên môn của mình kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng tư vấn trên.

2.10.3. Đối với những dự án, công trình quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng thì Chủ đầu tư có thể không cần thành lập Ban QLDA mà giao cho Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư (QLCSVC&ĐT) và các đơn vị chức năng quản lý.

2.10.4. Quản lý thi công xây dựng công trình bao gồm quản lý chất lượng xây dựng, tiến độ xây dựng, khối lượng thi công, an toàn lao động và môi trường xây dựng. Ban QLDA thay mặt Chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu tư vấn và đơn vị liên quan làm tốt công tác quản lý thi công xây dựng công trình.

2.11. Nhà thầu tư vấn và thi công

2.11.1. Nhà thầu tư vấn là tổ chức, cá nhân được Chủ đầu tư lựa chọn ký hợp đồng để thực hiện các công việc tư vấn như lập dự án, thiết kế, thẩm tra, giám sát thi công ...

2.11.2. Nhà thầu thi công là tổ chức, cá nhân được Chủ đầu tư lựa chọn ký hợp đồng để thực hiện công tác xây lắp, cung cấp và lắp đặt thiết bị cho dự án.

Nhà thầu tư vấn, Nhà thầu thi công được Chủ đầu tư lựa chọn theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan.

Điều 3: Thành lập Ban quản lý dự án, Tổ quản lý dự án

Ban QLDA, Tổ QLDA được thành lập ngay khi dự án hoặc công trình được phê duyệt, theo đề nghị của Trưởng ban QLCSVC&ĐT, thực hiện nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao và quyền hạn do Chủ đầu tư uỷ quyền.

Trường hợp thuê hoặc ủy thác tư vấn quản lý dự án, Ban QLCSVC&ĐT phối hợp với Tổ quản lý dự án và các phòng ban chức năng có trách nhiệm giúp Chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

Điều 4: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ giai đoạn lập dự án, thực hiện dự án, nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng đến khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo Ban QLCSVC&ĐT thuê tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; đưa ra các chỉ dẫn, yêu cầu, lựa chọn phương án thiết kế, công nghệ, thiết bị, vật liệu xây dựng chủ yếu, giới hạn vốn đầu tư làm cơ sở cho việc lập dự án; ký

hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thẩm định, phê duyệt theo phân cấp uỷ quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án.

2. Chỉ đạo Ban QLCSVC&ĐT thuê tư vấn thực hiện hợp đồng khảo sát xây dựng làm cơ sở lập thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp không lập dự án mà chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình theo quy định; phê duyệt nhiệm vụ khảo sát do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu khảo sát lập, điều chỉnh nhiệm vụ khảo sát theo yêu cầu hợp lý của thiết kế, tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng khảo sát xây dựng; kiểm tra và thẩm định các hồ sơ trước khi phê duyệt.

3. Căn cứ đề xuất của Ban QLCSVC&ĐT, Chủ đầu tư ra quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc tổ QLDA và giao cho Ban QLDA hoặc tổ QLDA thay mặt Chủ đầu tư thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.

4. Ký kết các hợp đồng tư vấn khảo sát để lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; xác định nhiệm vụ thiết kế và ký hợp đồng thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thẩm tra hồ sơ thiết kế (trong phạm vi cho phép của chủ đầu tư), tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn giám sát thi công xây dựng, bảo hiểm công trình, thí nghiệm nén tĩnh cọc, hợp đồng thi công xây dựng công trình… do Ban QLDA hoặc Tổ QLDA trình; tổ chức nghiệm thu và lập thanh lý hợp đồng theo đề nghị của Ban QLDA.

5. Căn cứ đề nghị của Ban QLDA, Tổ QLDA, tổ chức thẩm định và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán, tổng dự toán theo quy định; tổ chức thẩm định và phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu cho các gói thầu; thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu và thương thảo, ký kết hợp đồng cho các gói thầu xây lắp, cung cấp và lắp đặt thiết bị thuộc dự án.

6. Bố trí hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí vốn để thực hiện dự án theo tiến độ, tạm ứng và thanh toán vốn theo từng giai đoạn cho nhà thầu thi công theo đề nghị của Ban QLDA; thuê kiểm toán quyết toán theo quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành căn cứ hồ sơ quyết toán do Ban QLDA lập.

7. Giao cho Ban QLCSVC&ĐT phối hợp với đơn vị sử dụng giám sát việc bảo hành công trình của nhà thầu thi công và bảo hành các thiết bị của nhà thầu cung cấp thiết bị. Nội dung bảo hành công trình bao gồm sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng hoặc khắc phục những khiếm khuyết làm cho công trình vận hành không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra.

Điều 5: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án, Tổ quản lý dự án,

1. Triển khai lập nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán dự án.

2. Tổ chức thẩm tra nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phù hợp với thiết kế cơ sở đã được phê duyệt để báo cáo Chủ đầu tư trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt hoặc trình Chủ đầu tư phê duyệt theo phân cấp uỷ quyền; lập kế hoạch đấu thầu cho Dự án để trình người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức lập và thẩm định hồ sơ đề xuất và đánh giá lựa chọn nhà thầu: tư vấn khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thẩm tra thiết kế và dự toán, thí nghiệm chuyên ngành, giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kiểm toán quyết toán…; làm các thủ tục trình Chủ đầu tư ký kết các hợp đồng tư vấn.

4. Tự thực hiện các công việc sau nếu đủ năng lực: giám sát, lập hồ sơ mời thầu (HSMT), Hồ sơ yêu cầu (HSYC), lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu (HSDT), lập báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất (HSDX) đối với các gói thầu xây lắp, thiết bị, tư vấn...; trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt kết quả đấu thầu (KQĐT) trên cơ sở báo cáo đánh giá HSDT, báo cáo đánh giá HSDX và báo cáo thẩm định KQĐT; thông báo trúng thầu và tổ chức thương thảo ký kết các hợp đồng tư vấn, xây lắp và thiết bị theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện làm các hồ sơ, thủ tục xin cấp phép xây dựng, tổ chức giải phóng mặt bằng xây dựng, bàn giao mốc giới công trình cho đơn vị thi công, thông báo khởi công.

6. Quản lý về chi phí, khối lượng, chất lượng, tiến độ thi công xây lắp; giám sát việc cung ứng vật liệu và thiết bị lắp đặt trong công trình xây dựng; quản lý đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trên công trường.

7. Giám sát việc thực hiện các hợp đồng tư vấn, tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn và đề nghị Chủ đầu tư nghiệm thu và thanh lý các hợp đồng tư vấn; nghiệm thu các công việc xây lắp, các hạng mục hoàn thành, các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể toàn bộ công trình đưa vào sử dụng, kết thúc dự án.

8. Lập kế hoạch đề nghị cấp vốn đầu tư hàng năm, theo dõi tạm ứng vốn cho nhà thầu, thu hồi vốn cho từng giai đoạn thanh toán; chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về đơn giá, khối lượng và giá trị trong hồ sơ đề nghị thanh toán; lập báo cáo vốn thực hiện theo từng giai đoạn và từng năm, báo cáo đánh giá dự án đầu tư theo định kỳ 6 tháng, hàng năm và báo cáo đánh giá khi dự án kết thúc; lập hồ sơ thanh quyết toán dự án, báo cáo quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

9. Lập Hồ sơ công sở bàn giao cho đơn vị sử dụng 01 bộ và Ban QLCSVC&ĐT 01 bộ để quản lý. Hồ sơ công sở gồm các tài liệu liện quan đến quyền sở hữu, sử dụng công trình, tài liệu phê duyệt dự án, thiết kế, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, bàn giao, tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị của công trình (nếu có) và tài liệu hướng dẫn bảo trì công trình.

10. Nghiệm thu các hạng mục hoàn thành, các giai đoạn thi công và nghiệm thu tổng thể toàn bộ công trình đưa vào sử dụng.

Điều 6: Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của các thành viên trong các Ban quản lý dự án, Tổ quản lý dự án.

6.1. Với mỗi dự án, Giám đốc ra quyết định thành lập Ban QLDA hoặc Tổ QLDA, cơ cấu của ban QLDA, tổ QLDA gồm:

- Trưởng ban hoặc Tổ trưởng là Phó Giám đốc hoặc Giám đốc được giao nhiệm vụ phụ trách các dự án xây dựng cơ bản.

- Phó Trưởng ban, Tổ phó: Mỗi ban QLDA hoặc tổ QLDA có từ 1-3 phó trưởng ban, Tổ phó, trường hợp có nhiều phó trưởng ban hay tổ phó thì bao gồm các phó trưởng ban, tổ phó phụ trách chuyên môn. Một phó trưởng ban, tổ phó là

đại diện của đơn vị quản lý hoặc sử dụng. Các phó trưởng ban chuyên môn, tổ phó chuyên môn phải có kinh nghiệm làm việc chuyên môn tối thiểu 5 năm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc các lĩnh vực xây dựng, điện nước, tài chính hoặc theo lĩnh vực đầu tư của dự án.

- Các thành viên của Ban QLDA, Tổ QLDA được điều động từ các đơn vị trong Học viện làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Các thành viên trong ban gồm: kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, cơ khí, điện, nước, kế toán và các chuyên gia trong từng lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

Các thành viên an QLDA, Tổ QLDA phải có chứng nhận nghiệp vụ về quản lý dự án và đấu thầu, có kinh nghiệm quản lý dự án.

6.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên dự án

- Trưởng ban, Tổ trưởng: thay mặt Chủ đầu tư điều hành giải quyết các hoạt động diễn ra trong quá trình thực hiện dự án theo quyền hạn được ủy quyền thể hiện trong Quyết định thành lập ban QLDA, tổ QLDA. Trưởng ban, Tổ trưởng có quyền điều hành, can thiệp, quyết định và chịu trách nhiệm đối với mọi công việc trong suốt quá trình thực hiện hoặc trong từng giai đoạn thực hiện của dự án theo nhiệm vụ và quyền hạn. Trưởng ban, Tổ trưởng có thể đề nghị Giám đốc ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các phó trưởng ban, tổ phó.

- Phó trưởng ban, tổ phó: chịu sự điều hành trực tiếp và chịu trách nhiệm trước trưởng ban, tổ trưởng điều hành các lĩnh vực được phân công.

- Các ủy viên: Mỗi thành viên có thể được giao thực hiện một hoặc một số công việc, tham gia trong suốt quá trình thực hiện dự án hoặc chỉ tham gia trong một giai đoạn của dự án như lập thiết kế bản vẽ thi công, đấu thầu, thi công, nghiệm thu và bàn giao sử dụng. Các thành viên phải chịu trách nhiệm trước trưởng ban tổ trưởng về nhiệm vụ được phân công.

6.3. Quyền lợi, chế độ của các thành viên trong ban QLDA, tổ QLDA được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước

6.5. Khi thành lập Ban QLDA, Tổ QLDA, Trưởng ban (tổ trưởng) hoặc các phó trưởng ban (tổ phó) soạn thảo quy định hoạt động của Ban, Tổ, phân công nhiệm vụ và quy định trách nhiệm của từng thành viên trong Ban, Tổ

6.6. Trong quá trình thực hiện dự án, các thành viên trong Ban QLDA, Tổ QLDA phải chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, Tổ trưởng về từng lĩnh vực chuyên môn đã được giao phụ trách cho đến khi phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; các thành viên phụ trách chuyên môn, tài chính phải chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung thuộc lĩnh vực của mình và ký xác nhận trước khi trình Chủ đầu tư phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.7. Đối với Ban Quản lý dự án được Chủ đầu tư thuê hoặc ủy thác thì việc thành lập Ban QLDA do đơn vị tư vấn tự thành lập và hoạt động theo hồ sơ hợp đồng ký kết.

Điều 7: Trách nhiệm của Ban QLDA trong quản lý thi công xây dựng

1. Quản lý về chất lượng công trình xây dựng:

Quản lý về chất lượng công trình xây dựng tuân thủ theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015; Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản pháp lý hướng dẫn khác có liên quan.

2. Quản lý tiến độ thi công

Ban QLDA phê duyệt tiến độ thi công công trình do nhà thầu lập trước khi triển khai thi công phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã phê duyệt; công trình quy mô lớn và kéo dài thì tiến độ được lập theo tháng, quý, năm. Nhà thầu có nghĩa vụ lập tiến độ thi công chi tiết, phối hợp với Ban QLDA giám sát theo dõi tiến độ và điều chỉnh tiến độ ở một số giai đoạn bị kéo dài nhưng không được làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Nếu xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì Chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh tổng tiến độ của dự án.

3. Quản lý khối lượng thi công

Ban QLDA phối hợp với tư vấn giám sát, nhà thầu thi công xây dựng kiểm tra tính toán khối lượng theo thời gian, theo giai đoạn thi công và đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt đồng thời ký xác nhận trước khi trình Chủ đầu tư phê duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng. Khi có khối lượng

phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt thì Ban QLDA và nhà thầu thi công xây dựng phải trình Chủ đầu tư quyết định, nếu khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình làm vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư để xem xét, quyết định. Khối lượng phát sinh được Chủ đầu tư hoặc người quyết định đầu tư chấp thuận, phê duyệt là cơ sở để thanh toán, quyết toán công trình.

4. Quản lý an toàn lao động

Nhà thầu thi công phải lập các biện pháp an toàn lao động cho người, công trình xây dựng. Các biện pháp an toàn, nội quy phải được thể hiện công khai trên công trường; những vị trí nguy hiểm phải được cảnh báo; Ban QLDA căn cứ biện pháp an toàn lao động của nhà thầu và phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi giám sát công tác an toàn lao động trên công trường, khi phát hiện thấy nhà thầu vi phạm an toàn lao động phải đình chỉ hoạt động thi công và báo cáo ngay với Chủ đầu tư; khi sự cố về an toàn thì các bên liên quan và nhà thầu phải xử lý và báo cáo theo quy định. Nhà thầu thi công phải cung cấp bảo hộ lao động cho người lao động; đào tạo, phổ biến các quy định về an toàn lao động và chịu trách nhiệm về hậu quả do mất an toàn lao động gây ra trên công trường.

5. Quản lý môi trường xây dựng

Ban quản lý dự án có trách nhiệm kiểm tra giám sát và đôn đốc nhà thầu thi công áp dụng các biện pháp để bảo vệ môi trường xây dựng tại công trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Ban quản lý dự án có quyền đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường đồng thời báo cáo lên Chủ đầu tư.

Nhà thầu thi công phải thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động và đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh bao gồm chống bụi, chống ồn, che chắn, xử lý và thu dọn phế thải, thu dọn hiện trường và chịu sự kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

Điều 8: Nghiệm thu, thanh toán và quyết toán

Nghiệm thu xây dựng công trình bao gồm nghiệm thu từng công việc trong quá trình thi công, nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn thi công, nghiệm thu hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nghiệm thu nội bộ của nhà thầu: Trước khi yêu cầu Ban QLDA và Chủ đầu tư nghiệm thu các vật liệu đầu vào, thiết bị lắp đặt, các công việc xây dựng (đặc biệt các công việc, bộ phận bị che khuất) thì nhà thầu thi công xây dựng phải tự tổ chức nghiệm thu, khẳng định sự phù hợp về chất lượng và khối lượng công việc xây dựng đã thực hiện so với yêu cầu của thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng. Kết quả nghiệm thu nội bộ được lập bằng biên bản nghiệm thu giữa người trực tiếp phụ trách thi công xây dựng và giám sát thi công xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm gửi phiếu yêu cầu nghiệm thu đến chủ đầu tư trước tối thiểu 12 giờ sau khi đã nghiệm thu nội bộ và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ làm căn cứ nghiệm thu, chuẩn bị các biên bản nghiệm thu theo quy định.

Tổ chức nghiệm thu: Ban QLDA tổ chức nghiệm thu kịp thời sau khi có phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng. Đối với các công việc đã được nghiệm thu nhưng chưa thi công ngay thì trước khi thi công nhà thầu phải mời tư vấn giám sát và ban QLDA nghiệm thu lại.

Trên cơ sở thẩm tra đơn giá, khối lượng và giá trị thanh toán trong hồ sơ thanh toán, Ban QLDA ký xác nhận trước khi trình Chủ đầu tư ký và chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán trong hồ sơ đề nghị thanh toán.

Tất cả các dự án nhóm A, dự án nhóm B khi hoàn thành, Ban Tài chính Kế toán (Ban TC-KT) có trách nhiệm chỉ đạo thành viên phụ trách tài chính lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, ký xác nhận để trình Chủ đầu tư thuê đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán quyết toán dự án trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt. Đối với các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Ban TC-KT tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật về hợp đồng và nghiệm thu kết quả kiểm toán. Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ các chi phí hợp pháp đã

thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa công trình vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp bao gồm các chi phí trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán được phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung theo quy định của hợp đồng ký kết. Vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

Thời gian trình phê duyệt chậm nhất là 12 tháng đối với dự án nhóm A, 9 tháng đối với dự án nhóm B và 6 tháng đối với dự án nhóm C kể từ ngày công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng. Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Ban QLDA có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản dự án trình chủ đầu tư làm cơ sở tất toán tài khoản dự án tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

Điều 9: Điều khoản thi hành

Chủ đầu tư, các thành viên trong Ban quản lý dự án, Tổ quản lý dự án, các đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư có liên quan, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn, nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị có quyền hạn, nghĩa vụ thực hiện theo Quy định này và tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi và các nghị định của Chính phủ về đầu tư xây dựng công trình.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành, các quy định khác của Học viện liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng và quản lý dự án đã ban hành trước đây hết hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, Quy định có thể được sửa đổi cho phù hợp theo các quy định của Nhà nước và do Giám đốc Học viện quyết định.